TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2023/DS-PT
Ngày 20 tháng 9 năm 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

-***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hải Anh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Lan; Bà Nguyễn Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dântỉnh Yên Bái***: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy- Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm công khaivụ án thụ lý số: 22/2023/TLPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023, về "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2023/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Toà án nhân thị xã N, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 26/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 11, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Hữu Th, ông Nguyễn Quang V, đều là Luật sư thuộc văn phòng luật sư T, đoàn luật sư tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Bị đơn: - Chị Đỗ Thị H1, sinh năm 1973- Có mặt.

- Anh Lưu Việt C, sinh năm 1969 - Vắng mặt.

Đều trú tại: Tổ 12, phường T, thị xã N, tỉnh YênBái.

3. Người làm chứng: Bà Trần Thị C1, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Tổ 3, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Chị Đỗ Thị H1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Đặng Thị H trình bày: Chị và chị Đỗ Thị H1 là hàng xóm, từ năm 2018 đến năm 2021 chị có cho chị H1 vay tiền nhiều lần, trong đó có lần nợ lại chưa trả nên đến ngày 02/12/2021 chị H1 viết giấy biên nhận cam kết trả nợ trong đó ghi: "... vợ chồng H1 C nợ chị H số tiền 788.000.000 đồng, cam kết ngày 27/12/2021 sẽ trả 88.000.000đồng, còn lại 700.000.000đồng thì vào ngày 25 hàng tháng sẽ trả 30.000.000đồng...". Giấy biên nhận có chữ ký của chị H1, chị H và người làm chứng là bà Trần Thị C1 (không có chữ ký của anh C). Chị H1 đã trả chị 41.000.000đồng nhưng chia làm nhiều lần. Do chị H1 không thực hiện đúng cam kết nên ngày 28/11/2022 chị H khởi kiện yêu cầu anh chị H1 C thanh toán cho chị số tiền còn nợ là 747.000.000đồng *(bẩy trăm bốn mươi bảy ngàn đồng)*.

Chị Đỗ Thị H1 trình bày: Từ năm 2017, 2018 gia đình chị vay tiền nhiều lần của chị H, các lần vay đều viết giấy và có lãi là 5%/1 tháng, mỗi lần vay chị đều ghi vào sổ của chị và đều đã trả chị H đầy đủ. Chị thừa nhận ngày 02/12/2021 chị có viết "Giấy biên nhận cam kết trả nợ" nội dung như chị H trình bày. Nhưng chị xác định việc chị viết "Giấy biên nhận cam kết trả nợ" là do bị chị H ép buộc, số tiền 788.000.000 đồng ghi trong giấy thực tế chỉ có 300.000.000 đồng từ các khoản vay từ năm 2018 cộng lại, còn 488.000.000 đồng là tiền lãi do chị H tính ra và ép chị nhận nợ nhưng chị không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh; anh C không liên quan đến việc vay nợ giữa chị và chị H. Nay chị H khởi kiện chị chỉ đồng ý trả chị H số tiền 300.000.000 đồng tiền gốc.

Người làm chứng, bà Trần Thị C1 viết bản tự khai có nội dung: Bà được chứng kiến việc chị H1 đến nhà chị H khất nợ và tự viết giấy biên nhận cam kết trả nợ cho chị H tại nhà chị H

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 29-6-2023 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Yên Bái đã quyết định: Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 271, 273 Bộ luật tố tụngdân sự; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 củaỦy ban thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị H đối với chị Đỗ Thị H1 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Buộc chị Đỗ Thị H1 có nghĩa vụ thanh toán trả cho chị Đặng Thị H số tiền vay gốc là 747.000.000đồng (bảy trăm bốn mươi bảy triệu đồng).

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị H đối với anh Lưu Việt C.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị H1 phải chịu 33.880.000 đồng án phí sơ thẩm. Chị Đặng Thị H không phải chịu án phí, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án

phí đã nộp 16.940.000đồng theo biên lai thu số AA/2021/0002988 ngày 29/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N.

Ngày 10-7-2023 và ngày 19-7-2023 bị đơn chị Đỗ Thị H1 kháng cáo và bổ sung kháng cáo: Không đồng ý, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 29-6-2023 của Tòa án nhân dân thị xã N về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và xác định nợ gốc 300.000.000 đồng và tính lãi theo pháp luật.

* Tại phiên toà phúc thẩm:

- Người kháng cáo: Bị đơn chị Đỗ Thị H1 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Nguyên đơn:chị Đặng Thị H đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc chị H1 phải thanh toán số tiền gốc là 747.000.000 đồng cho chị H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm đến trước khi Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Đỗ Thị H1; giữ nguyên bản án sơ thẩm số03/2023/DS-ST ngày 29-6-2023 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Yên Bái.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đương sự có kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn chị Đỗ Thị H1 trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Lưu Việt C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] . Về nội dung: Ngày 02/12/2021 chị Đỗ Thị H1 (bị đơn) viết giấy biên nhận cam kết trả nợ, trong đó xác nhận còn nợ chị Đặng Thị H (nguyên đơn) 788.000.000 đồng và cam kết ngày 27/12/2021 sẽ trả 88.000.000 đồng còn lại 700.000.000 đồng thì vào ngày 25 hàng tháng sẽ trả 30.000.000 đồng. Giấy viết có chữ ký của chị H1, chị H và người làm chứng là bà Trần Thị C1, không có chữ ký của anh C. Xét thấy, giấy biên nhận cam kết trả nợ này đã thể hiện người nợ, người cho nợ, số tiền nợ cụ thể, có chữ ký của bên cho vay và bên vay, có xác nhận của

người làm chứng; tại thời điểm viết giấy cam kết các bên tham gia đều có đủ năng lực trách nhiệm hành vi dân sự; chị H1 viết giấy cam kết trong trạng thái tinh thần và sức khỏe đều ổn định, bình thường. Ngoài ra, nguyên đơn và bị đơn cùng xác nhận từ năm 2018 đến năm 2021 nguyên đơn cho bị đơn vay tiền nhiều lần, thanh toán cho nhau bằng nhiều hình thức, số tiền đã thanh toán các bên đều xác nhận không liên quan đến khoản tiền bị đơn đã viết giấy cam kết trả nợ vào ngày 02/12/2021. Giấy cam kết trả nợ nêu trên thể hiện sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

Do bị đơn không thực hiện đúng cam kết, đã trực tiếp trả nguyên đơn 41.000.000 đồng nhưng chia làm nhiều lần và không trả nữa nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 747.000.000 đồng là phù hợp.

Như vậy, cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 747.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại các điều 385, 463, 466 của Bộ luật Dân sự.

Bị đơn kháng cáo cho rằng bị ép buộc, đe dọa khi viết giấy cam kết trả nợ; trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, tòa án xem xét, đánh giá và sử dụng chứng cứ khi giải quyết vụ án không khách quan và liệt kê ra 10 lần vay tiền của nguyên đơn từ tháng 1 năm 2018 đến tháng 12 năm 2018 với tổng số tiền vay là 300.000.000 đồng và tiền lãi là 5%/1 tháng. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn lập luận mâu thuẫn về tình trạng sức khỏe, tinh thần khi viết giấy biên nhận,không cung cấpđược tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Đỗ Thị H; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 29-6-2023 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Yên Bái.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn chị Đỗ Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Đỗ Thị H1;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 03/2023/DS-ST ngày 29-6-2023 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Yên Bái như sau:Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và 468 của

Bộ luật Dân sự; Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị H đối với chị Đỗ Thị H1 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Buộc chị Đỗ Thị H1 có nghĩa vụ thanh toán trả cho chị Đặng Thị H số tiền vay gốc là 747.000.000đồng (Bảy trăm bốn mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối vớikhoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị H đối với anh Lưu Việt C.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị H1 phải chịu 33.880.000 đồng án phí sơ thẩm. Chị Đặng Thị H không phải chịu án phí, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 16.940.000đồng theo biên lai thu số AA/2021/0002988 ngày 29/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N.

2.Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Đỗ Thị H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H1 đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu sốAA/2021/0000825 ngày 17/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Vụ GĐKT2-TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Các đương sự;
- Người BVQ&LIHP của đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký tên và đóng dấu

Hoàng Hải Anh